

MA TRẬN ĐỀ

I/ MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu đạt chuẩn kiến thức- kỹ năng của chương trình giáo dục
- Nhằm bắt khả năng học tập của học sinh, mức độ phân hóa về học lực của học sinh, từ đó giúp các em chọn trường thi, khối thi cho phù hợp. Trên cơ sở đó giáo viên cũng có kế hoạch bồi dưỡng đối với từng đối tượng học sinh để các em đạt kết quả cao nhất trong kì thi quốc gia sắp tới.

II/ HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận
- Cách thức : Kiểm tra chung toàn tỉnh

III/ THIẾT LẬP MA TRẬN

Mức độ/ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng số
I. Đọc hiểu	- Gọi tên biện pháp tu từ/phương thức biểu đạt. - Chỉ ra phong cách ngôn ngữ của văn bản - Các thao tác lập luận.	Nội dung văn bản	- Giải quyết một vấn đề hoặc tình huống trong thực tiễn bằng cách vận dụng những điều đã tiếp nhận từ văn bản.		
Số câu:	2	1	1		4
Số điểm:	1,0	1,0	1,0		3,0
Tỉ lệ:	10%	10%	10%		30%
II. Làm văn					
Câu 1. Nghị luận xã hội (Viết đoạn văn)	Xác định đúng vấn đề nghị luận	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận	Viết đoạn văn nghị luận xã hội (200 chữ) về một tư tưởng đạo lí; một hiện tượng đời sống bằng việc kết hợp các thao tác lập luận đã học		
Số câu:					1
Số điểm:	0,5	0,5	1,0		2,0
Tỉ lệ:	5%	10%	10%		20%
Câu 2. Nghị luận văn học	Dạng đề nghị luận văn học về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.	Nắm được chi tiết tiêu biểu và đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm.	Vận dụng kiến thức đọc hiểu và kỹ năng tạo lập văn bản để viết một bài văn nghị luận về nhân vật trong một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.	- Hoàn thành bài viết: chặt chẽ, thuyết phục, sáng tạo. – Đánh giá thành công của tác giả trong việc xây dựng nhân vật.	

Số câu:					1
Số điểm:	0,5	1,0	3,0	0,5	5
Tỉ lệ:	5%	10%	30%	5%	50%
Tổng số điểm:	2,0	2,5	5,0	0,5	10
Tỉ lệ:	20%	25%	50%	5%	100%

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Để làm tốt phần đọc hiểu theo ma trận đề, các em nên hệ thống hóa lại các kiến thức đã học như sau:

1/ Ôn lại đặc điểm diễn đạt và chức năng của các phong cách ngôn ngữ, dấu hiệu nhận biết và lí giải, học sinh nắm lại khái niệm, phạm vi sử dụng, phân loại và đặc điểm của từng phong cách như:

*** Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt**

- Khái niệm: Là phong cách ngôn ngữ hằng ngày, mang tính chất tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau trốt.

- Đặc điểm: Tính cá thể; Tính sinh động, cụ thể; Tính cảm xúc.

*** Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật**

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong lĩnh vực sáng tác văn chương (Văn xuôi, thơ, kịch)

- Đặc điểm: Tính hình tượng; Tính truyền cảm; Tính cá thể hóa.

*** Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn)**

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong lĩnh vực thông tin của xã hội về tất cả những vấn đề thời sự. Gồm các dạng: văn bản phản ánh tin tức, văn bản phản ánh công luận và thông tin quảng cáo.

- Đặc điểm: Tính thông tin thời sự; Tính ngắn gọn; Tính sinh động, hấp dẫn.

*** Phong cách ngôn ngữ chính luận**

- Khái niệm: Là phong cách ngôn ngữ dùng trong các văn bản trực tiếp bày tỏ tư tưởng, lập trường, thái độ đối với những vấn đề thiết thực, nóng bỏng của đời sống, chính trị - xã hội.

- Đặc điểm: Tính công khai về chính kiến, lập trường, tư tưởng chính trị; Tính chặt chẽ trong lập luận; Tính truyền cảm mạnh mẽ.

*** Phong cách ngôn ngữ khoa học**

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học. Đây là phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu. Gồm các dạng: khoa học chuyên sâu, khoa học giáo khoa, khoa học phổ cập.

- Đặc điểm: Tính khái quát, trừu tượng; Tính lí trí, lô gích; Tính khách quan, phi cá thể.

*** Phong cách ngôn ngữ hành chính**

- Khái niệm: Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính (các loại giấy tờ thông báo, báo cáo, đơn từ...)

- Đặc điểm: Chức năng thông báo; Chức năng sai khiến.

2/ Ôn tập nhận diện các biện pháp tu từ và tác dụng của biện pháp đó với việc thể hiện nội dung văn bản. Với dạng này, học sinh ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng và các biện pháp nghệ thuật khác như:

- So sánh là đối chiếu sự vật này với sự vật khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Nhân hoá: là gọi hoặc tả vật, đồ vật ...bằng những từ ngữ vốn được dùng để cho con người, làm cho thế giới loài vật trở nên gần gũi, biểu thị những suy nghĩ tình cảm của con người.

- Ẩn dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình gợi cảm.

- Hoán dụ: là cách gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm.

- Nói quá, phóng đại, thậm xưng: là biện pháp tu từ phóng đại mức độ quy mô tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh gây ấn tượng tăng tính biểu cảm.

- Nói giảm, nói tránh: là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác phản

cảm, tránh thô tục, thiếu lịch sự.

- Liệt kê: là đưa ra hàng loạt những sự vật, sự việc, hiện tượng để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng tình cảm.

- Điệp từ, điệp ngữ: là biện pháp lặp lại từ ngữ hoặc cả câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.

- Chơi chữ: là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước..., làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

- Điệp âm: lặp lại phụ âm đầu để tạo tính nhạc

- Điệp vần: lặp lại phần vần để tạo hiệu quả nghệ thuật

- Điệp thanh: lặp lại thanh bằng hoặc trắc nhiều lần để tạo hiệu quả nghệ thuật

- Các biện pháp tu từ cú pháp như:

+ Điệp cú pháp: lặp lại cấu trúc C-V để tạo sự nhịp nhàng, cân đối hài hoà cho câu văn

+ Phép liệt kê là biện pháp liên tiếp kể ra các sự vật, sự việc, hiện tượng tương tự trong cùng một phạm vi, một lĩnh vực của thực tế để tô đậm nội dung biểu đạt.

+ Phép chêm xen là biện pháp chêm vào câu một cụm từ không trực tiếp có quan hệ đến quan hệ ngữ pháp trong câu, nhưng có tác dụng rõ rệt để bổ sung thông tin cần thiết hay bộc lộ cảm xúc.

+ Câu hỏi tu từ: là những câu hỏi mà người hỏi đã có lời đáp nhằm tăng tính biểu cảm.

- Sử dụng từ láy để tăng tính biểu cảm

Từ việc ôn tập, học sinh có kĩ năng nhận diện các biện pháp tu từ được sử dụng trong 1 văn bản thơ hoặc văn xuôi và phân tích tốt giá trị của việc sử dụng phép tu từ ấy trong văn bản.

3/ Ôn tập các thao tác lập luận trong bài văn nghị luận:

- Thao tác lập luận giải thích là giảng giải để người ta hiểu rõ vấn đề.

- Thao tác lập luận chứng minh là đưa ra những cứ liệu- dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin vào vấn đề

- Thao tác lập luận phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận nhỏ giúp ta biết căn kẽ, thấu đáo vấn đề hơn.

- Thao tác lập luận so sánh là làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đối chiếu sự vật này với sự vật khác.

- Thao tác lập luận bác bỏ là chỉ ra những sai lầm, lệch lạc, thiếu khoa học của một ý kiến, quan điểm nào đó.

- Thao tác lập luận bình luận là thuyết phục người khác nghe theo sự đánh giá, bàn bạc của mình về một hiện tượng, vấn đề.

4/ Ôn tập các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận như:

- Tự sự (kể chuyện, tường thuật) là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng thể hiện một ý nghĩa.

- Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người như đang hiện ra trước mắt mình.

- Biểu cảm là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

- Nghị luận là phương thức dùng để bàn bạc phải, trái, đúng, sai nhằm bộc lộ thái độ của người nói, người viết.

- Thuyết minh được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc, người nghe.

- Hành chính- công vụ là phương thức biểu đạt được dùng trong văn bản hành chính công vụ (văn bản điều hành xã hội)

II. PHẦN LÀM VĂN

***Đoạn văn nghị luận xã hội (Đề thi yêu cầu viết đoạn khoảng 200 chữ)**

Đoạn văn bắt đầu từ chữ viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc là dấu chấm câu xuống dòng. (các em viết liền mạch không tách dòng)

Cấu trúc đoạn văn đảm bảo 3 phần liền mạch: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn. Các câu trong từng phần được liên kết chặt chẽ.

Một đoạn văn khoảng 200 chữ tương đương khoảng 20 dòng, nửa trang giấy thi hoặc ngắn hơn vẫn được chấp nhận. Đoạn văn bài thi không thể phân tích dẫn chứng hay giải thích từ ngữ, khái niệm hoặc bàn luận dài dòng mà cần bộc lộ năng lực nhận thức và trải nghiệm về vấn đề rất cụ thể của cuộc sống đặt ra trong câu hỏi.

Hiểu đúng và trúng nội dung vấn đề gợi ra từ câu hỏi đọc hiểu, thí sinh cần dự kiến trình bày Xác định câu chủ đề của đoạn từ gợi ý của câu hỏi hoặc lấy ngay câu của đề làm câu chủ đề (nếu có). Các câu tiếp sau sẽ cụ thể, chi tiết và làm rõ các khía cạnh, biểu hiện của luận điểm.

Vấn đề này là gì? Hiểu như thế nào? Biểu hiện của vấn đề? Tại sao lại hiểu như vậy?

***Nghị luận văn học: Để làm tốt phần này, các em cần tập trung vào các đơn vị kiến thức sau**

*** VỢ CHỒNG A PHỦ-TÔ HOÀI**

1. Tác giả

Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của văn học Việt nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết phong phú, sâu sắc về phong tục, tập quán của nhiều vùng khác nhau của đất nước.

2. Tác phẩm

Vợ chồng A Phủ (1952) là kết quả của chuyến đi cùng bộ đội giải phóng Tây Bắc, in trong tập *Truyện Tây Bắc*

Được giải Nhất giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955. Tác phẩm gồm 2 phần, đoạn trích trong SGK là phần một.

a. Nội dung

-Nhân vật Mị

+ Cuộc sống thống khổ: Mị là cô gái trẻ, đẹp, yêu đời nhưng vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử thậm tệ, mất ý thức về cuộc sống (lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị...)

+ Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc: Mùa xuân đến (thiên nhiên, tiếng sáo gọi bạn, bữa rượu...), Mị đã thức tỉnh (kỷ niệm sống dậy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân phận...) và muốn đi chơi (thắp đèn, quần tóc...), khi bị A Sử trói vào cột, Mị “như không biết mình đang bị trói”, vẫn thả hồn theo tiếng sáo.

+ Sức phản kháng mạnh mẽ: Lúc đầu thấy A Phủ bị trói, Mị đứng đưng “vô cảm”. Nhưng khi nhìn thấy “dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại” của A Phủ, Mị xúc động, nhớ lại mình, đồng cảm với người, nhận ra tội ác của bọn thống trị. Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt... đã thôi thúc Mị cắt dây cửi trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

-Nhân vật A Phủ

+ Số phận éo le, là nạn nhân của hủ tục lạc hậu và cường quyền phong kiến miền núi (mồ côi cha mẹ, lúc bé đi làm thuê hết nhà này đến nhà khác, lớn lên nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ).

+ Phẩm chất tốt đẹp: có sức khoẻ phi thường, dũng cảm; yêu tự do, yêu lao động; có sức sống tiềm tàng mãnh liệt...

b. Giá trị của tác phẩm:

+ Giá trị hiện thực: miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo, phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi.

+ Giá trị nhân đạo: thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách Mạng; tố cáo, lên án, , phơi bày bản chất xấu xa tàn bạo của giai cấp thống trị; trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc....

c. Nghệ thuật

Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu khác hoạ tâm tư, ...)

Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.

Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.

Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ....

d. Ý nghĩa văn bản

Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân; thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ.

***VỢ NHẬT-KIM LÂN**

1.Tác giả

Kim Lân (1920 – 2007): thành công về đề tài nông thôn và người nông dân; có một số tác phẩm có giá trị về đề tài này.

2.Tác phẩm

Vợ nhặt (in trong tập *Con chó xấu xí*, 1962) được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*.

a. Nội dung

- Nhân vật Tràng: là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở (giữa lúc đói anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ), luôn khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Câu “nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về” đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, thấy nhà cửa sạch sẽ gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó, có trách nhiệm đối với gia đình, nhận ra bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).

- Người vợ nhặt: là nạn nhân của nạn đói. Những xô đẩy dữ dội của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ nhặt”. Tuy nhiên sâu thẳm trong con người này vẫn khao khát một mái ấm. “Thị” là một người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình.

- Bà cụ Tứ: Một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con; một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha; một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin, hy vọng vào tương lai tươi sáng ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: “dù kề bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hy vọng ở tương lai”.

b. Nghệ thuật

- Xây dựng được tình huống truyện độc đáo: Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề lại “nhặt” được vợ, có vợ theo. Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật và thể hiện chủ đề của truyện.

- Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.

- Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ẩn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.

- Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

c. Ý nghĩa văn bản

Tố cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.

***RỪNG XÀ NU-NGUYỄN TRUNG THÀNH**

1.Tác giả

Nguyễn Trung Thành (bút danh khác là Nguyên Ngọc) là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với mảnh đất Tây Nguyên.

2.Tác phẩm

Truyện ngắn *Rừng xà nu* được viết năm 1965; đăng trên tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung bộ* (số 2 – 1965), sau đó được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*.

a.Nội dung

-Hình tượng cây xà nu

+ Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân làng Xô man.

+ Cây xà nu tượng trưng cho phẩm chất và số phận của nhân dân Tây Nguyên trong chiến tranh cách mạng. Vẻ đẹp, những thương tích mà rừng xà nu phải gánh chịu, những đặc tính của xà nu, ...là hiện thân cho vẻ đẹp, sự mất mát, đau thương, sự khao khát tự do và sức sống bất diệt của dân làng Xô Man nói riêng, đồng bào Tây Nguyên nói chung.

-Hình tượng nhân vật Tnú

+ Tnú là người gan góc, dũng cảm, mưu trí
+ Tnú là người có tính kỷ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng.
+ Tnú có một trái tim yêu thương và sự sôi sục căm thù: sống rất nghĩa tình và luôn mang trong tim ba mối thù: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng.

+ Cuộc đời bi tráng và con đường đến với cách mạng của Tnú điển hình cho con đường đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm rõ chân lí của thời đại: phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng; đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

- Hình tượng rừng xà nu và Tnú có mối quan hệ khăng khít, bổ sung cho nhau. Rừng xà nu chỉ giữ được màu xanh bất diệt khi có những con người biết hy sinh như Tnú; sự hy sinh của những con người như Tnú góp phần làm cho những cánh rừng mãi mãi xanh tươi

b. Nghệ thuật

- Không khí, màu sắc đậm chất Tây Nguyên thể hiện ở bức tranh thiên nhiên. ở ngôn ngữ, tâm lí, hành động của các nhân vật.

- Xây dựng thành công các nhân vật vừa có những nét cá tính sống động vừa mang những phẩm chất có tính khái quát, tiêu biểu (cụ Mết, Tnú, Dít,...)

- Khắc họa thành công hình tượng cây xà nu – một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc – tạo nên màu sắc sử thi và sự lãng mạn bay bổng cho thiên truyện.

- Lời văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu, khi thâm trầm, khi tha thiết, trang nghiêm,...

c. Ý nghĩa văn bản

Ngôi ca tinh thần bất khuất, sức mạnh quật khởi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đất nước, con người Việt Nam nói chung trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và khẳng định chân lí của thời đại: để giữ gìn sự sống của đất nước và nhân dân, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù.

***NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH– NGUYỄN THỊ**

1. Tác giả:

Nguyễn Thi (1928-1968) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì chống Mỹ cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ và thực sự trở thành nhà văn của người nông dân Nam Bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lý sắc sảo.

2. Tác phẩm:

Những đứa con trong gia đình là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Thi được sáng tác trong những ngày chiến đấu ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

a. Nội dung:

- Nhân vật chính:

+ Việt: là một thanh niên mới lớn, rất hồn nhiên (không sợ chết nhưng lại rất sợ ma, hay tranh giành với chị, đi chiến đấu vẫn mang súng cao su trong người...); có một tình yêu thương gia đình sâu đậm, một tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, kiên cường. Trong anh có dòng máu của những con người gan góc, sẵn sàng hi sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc (còn nhỏ mà dám tấn công kẻ giết cha, xin đi tòng quân và chiến đấu rất dũng cảm,...)

+ Chiến: là cô gái mới lớn, tính khí vẫn còn nét trẻ con nhưng cũng là một người chị biết nhường em, biết lo toan, tháo vát; vừa có những điểm giống mẹ, vừa có những nét riêng. Chiến căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, lập được nhiều chiến công.

- Chiến và Việt là hai “khúc sông” trong “dòng sông truyền thống” của gia đình. Hai chị em là sự tiếp nối thế hệ trẻ miền Nam thời kì chống Mỹ cứu nước.

b. Nghệ thuật

- Tình huống truyện: Việt – một chiến sĩ Quân giải phóng – bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liên mạch (lúc tỉnh), khi gián đoạn (lúc ngất) của “người trong cuộc” làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.

- Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam Bộ.

- Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh...

c. Ý nghĩa văn bản:

Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với cách mạng, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

***CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA- NGUYỄN MINH CHÂU**

1. Tác giả:

Nguyễn Minh Châu (1930 -1989): Trước năm 1975 là ngôi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lý nhân sinh, thuộc trong số những “người mở đường tinh anh và tài năng” (Nguyễn Ngọc) nhất của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

2. Tác phẩm:

Chiếc thuyền ngoài xa tiêu biểu cho xu hướng chung của văn học Việt Nam thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.

a. Nội dung:

- Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:

+ Một “cảnh đất trời cho” là cảnh chiếc thuyền lưới vó ẩn hiện trong biển sớm mờ sương có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào... Với người nghệ sĩ, khung cảnh đó chứa đựng “chân lí của sự hoàn thiện”, làm dậy lên trong Phùng những xúc cảm thẩm mĩ, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.

+ Một cảnh thường phi thẩm mĩ (một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi; gã đàn ông to lớn, dữ dằn), phi nhân tính (người chồng đánh vợ một cách thô bạo, đứa con thương mẹ đã đánh lại cha,...) giống như trò đùa quái ác, làm Phùng “ngơ ngác” không tin vào mắt mình.

Qua hai phát hiện của người nghệ sĩ, nhà văn chỉ ra: cuộc đời chứa đựng nhiều nghịch lý, mâu thuẫn; không thể đánh giá con người, cuộc sống ở dáng vẻ bên ngoài mà phải đi sâu tìm hiểu, phát hiện bản chất bên trong.

- Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện:

- Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng chài nghèo khổ, lam lũ...

- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài (*một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị tha*); về người chồng của chị (*bất kể lúc nào thấy khổ quá là lôi vợ ra đánh*); chánh án Đẩu (*có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều*) và về chính mình (*sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ*).

=> Qua câu chuyện về cuộc đời của người đàn bà hàng chài và cách ứng xử của các nhân vật, nhà văn muốn gửi đến người đọc thông điệp: đứng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.

- Tấm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:

+ Mỗi lần nhìn kĩ vào bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ thấy “*hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai*” (đó là chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời, cũng là biểu tượng của nghệ thuật). Và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy “*người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh*” (đó là hiện thân của những lam lũ, khổ khó, là sự thật cuộc đời).

+ Ý nghĩa: Nghệ thuật chân chính không thể tách rời, thoát li cuộc sống. Nghệ thuật chính là cuộc đời và phải vì cuộc đời.

b. Nghệ thuật

- Tình huống truyện độc đáo, có ý nghĩa khám phá, phát hiện về cuộc sống.

- Tác giả lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn thích hợp làm cho câu chuyện trở nên gần gũi, chân thực và có sức thuyết phục.

- Ngôn ngữ nhân vật sinh động, phù hợp với tính cách. Lời văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

c. Ý nghĩa văn bản:

Thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.

***HỒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT-LƯU QUANG VŨ**

1. Tác giả:

Lưu Quang Vũ (1948 - 1988) là một tài năng đa dạng nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất. Ông được coi là một hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam hiện đại.

2. Tác phẩm:

Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ. Từ cốt truyện dân gian, nhà văn xây dựng một vở kịch hiện đại chứa đựng nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng và triết lý nhân sinh sâu sắc. Văn bản trích trong SGK thuộc cảnh VII và là đoạn kết của vở kịch.

a. Nội dung:

- Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và xác hàng thịt:

+ hồn Trương Ba có một cuộc sống đáng hổ thẹn khi phải sống chung với phần thể xác dung tục và bị sự dung tục đồng hoá.

+ Lời cảnh báo của tác giả: khi con người sống trong dung tục thì sớm hay muộn những phẩm chất tốt đẹp cũng sẽ bị cái dung tục ngự trị, lấn át và tàn phá. Vì thế, phải đấu tranh để loại bỏ sự dung tục, giải tạo để cuộc sống trở nên tươi sáng hơn, đẹp đẽ và nhân văn hơn.

- Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba với người thân:

+ Trong thân xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba dù không muốn vẫn phải làm những điều trái với tư tưởng của mình để thoả mãn đòi hỏi của thể xác.

+ Những người thân trong gia đình người thì xa lánh, sợ hãi, thậm chí ghét bỏ, ghê tởm (cái Gái); người lại buồn bã, đau khổ (vợ Trương Ba); ... song, tất cả đều không giúp gì được và Hồn Trương Ba rơi vào sự hụt hẫng, cô đơn. Vì thế, Hồn Trương Ba phải lựa chọn một thái độ dứt khoát.

- Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích:

+ Hồn Trương Ba không chấp nhận cảnh sống *bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo*. Ông muốn được sống theo đúng bản chất của mình: “Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.

+ Đế Thích khuyên Hồn Trương Ba nên chấp nhận. Hồn Trương Ba kiên quyết chối từ và kêu gọi Đế Thích sửa sai bằng việc làm cho cụ Tị sống lại.

Qua màn đối thoại, ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo, bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, tự nhiên. Đó chính là chất thơ trong kịch của Lưu Quang Vũ.

- Kết thúc ở kịch, Hồn Trương Ba chấp nhận cái chết, một cái chết làm sáng bừng lên nhân cách đẹp đẽ của Trương Ba, thể hiện sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực.

b. Nghệ thuật:

- Sáng tạo lại cốt truyện dân gian.

- Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm.

- Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống truyện,...

c. Ý nghĩa văn bản:

Một trong những điều quý giá nhất của mỗi con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với giá trị mình có và theo đuổi. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hoà tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn.

II. KỸ NĂNG LÀM VĂN

Vận dụng các thao tác lập luận để viết một bài văn nghị luận văn học có luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác, lập luận hợp lý, thuyết phục.

-Nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm văn xuôi

***MINH HỌA MỘT SỐ DẠNG ĐỀ VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI**

Nghị luận về một nhân vật, một hình tượng trong một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

***Phương pháp:**

I/ Mở bài :

- Giới thiệu vài nét lớn về tác giả, tác phẩm;
- Giới thiệu và nhận định chung về nhân vật, hình tượng cần phân tích (**Không thể thiếu**)

II. Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích : Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt cốt truyện, nêu vị trí đoạn trích (nếu có).

2. Làm rõ nhân vật, hình tượng theo yêu cầu của đề bài :

a. Nếu phân tích **một nhân vật, hình tượng** : lần lượt làm rõ các biểu hiện tính cách, phẩm chất nhân vật (chú ý các sự kiện chính, các biến cố, tâm trạng thái độ nhân vật...), đặc điểm của hình tượng (nêu từng đặc điểm, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ các đặc điểm đã nêu)

b. Nếu phân tích **một nhóm nhân vật**: lần lượt làm rõ đặc điểm chung và riêng của nhóm nhân vật hoặc phân tích từng nhân vật(nêu từng đặc điểm, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ các đặc điểm đã nêu).

3. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật, hình tượng ;

4. Giải quyết yêu cầu phụ (nếu có)

III./ Kết bài :

- Dùng từ chuyển đoạn thông báo sự kết thúc của việc trình bày vấn đề (tóm lại, nhìn chung...) Chú ý : Đề ra nghị luận vấn đề gì thì phải kết bài vấn đề đó.
- Đánh giá khái quát về những khía cạnh nổi bật nhất của nhân vật, hình tượng.
- Gọi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn (thường nêu ý nghĩa của hình tượng, nhân vật với đời sống, với văn học hay tác động đến tư tưởng, tình cảm của người đọc). Có thể nêu cảm nghĩ về tác giả, tác phẩm.

Phân tích nhân vật Mị trong truyện "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài.

Lập dàn ý:

I . Mở bài

- Giới thiệu vài nét lớn về tác giả, tác phẩm;
- Giới thiệu và nhận định chung về **nhân vật Mị** .

II. Thân bài:

1. Khái quát về tác phẩm : Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt nội dung truyện.

2. Phân tích nhân vật Mị :

a/. Phân tích đặc điểm 1:

- **Nêu đặc điểm:** Mị là người phụ nữ có cuộc sống nghèo khổ, được gọi ra một cách ảm đạm ngay ở phần mở đầu truyện.

-**Làm rõ đặc điểm:** Mị là cô gái trẻ, đẹp, yêu đời nhưng vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lí Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống (*lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị, ...*).

b./Phân tích đặc điểm 2:

- **Nêu đặc điểm:** Dù cuộc sống khốn khổ, Mị vẫn có một sức sống tiềm tàng và khát vọng tự do, hạnh phúc.

-**Làm rõ đặc điểm:** Mùa xuân đến (*thiên nhiên, tiếng sáo gọi bạn, bữa rượu, ...*), Mị đã thức tỉnh (*kỉ niệm sống dậy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân phận, ...*) và muốn đi chơi (*thắp đèn, quán tóc, ...*). Khi bị A Sử trói vào cột, Mị “*như không biết mình đang bị trói*”, vẫn thả hồn theo tiếng sáo.

c/Phân tích đặc điểm 3:

- **Nêu đặc điểm:** Mị còn là người phụ nữ có sức phản kháng mạnh mẽ.

- **Làm rõ đặc điểm:** Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói, Mị đứng đưng “vô cảm”. Nhưng khi nhìn thấy “*dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại*” của A Phủ, Mị xúc động, nhớ lại mình, đồng cảm với người, nhận ra tội ác của bọn thống trị. Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt,... đã thôi thúc Mị cắt dây trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

3. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật Mị:

- Tác giả giới thiệu nhân vật Mị đầy bất ngờ, tự nhiên mà ảm đạm. Một bút pháp mô tả tâm lý khá sắc sảo, tinh tế.

- Các tình tiết dẫn dắt một cách khéo léo tự nhiên. Giọng trần thuật của tác giả hoà vào những độc thoại nội tâm của nhân vật tạo nên ngôn ngữ nửa trực tiếp đặc sắc.

-Ngôn ngữ kể chuyện rất sinh động, chọn lọc, sáng tạo, tinh tế, mang đậm màu sắc miền núi.

III . Kết bài :

- Kết luận chung về hình tượng **nhân vật Mị**.

- Nêu ý nghĩa của nhân vật.

- Cảm nghĩ về nhân vật.

*Đề luyện tập

Đề 1: Phân tích *nhân vật Mị* trong truyện "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài.

Đề 2: Phân tích *nhân vật A Phủ* trong truyện "Vợ chồng A Phủ" của Tô Hoài .

Đề 3: *Phân tích diễn biến tâm trạng Mị trong đêm cởi trói cho A Phủ* trong truyện “Vợ chồng A Phủ ” của Tô Hoài

Đề 4: Phân tích *sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị* trong truyện “Vợ chồng A Phủ ” của Tô Hoài

Phân tích *hình ảnh người vợ nhặt* trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

Đề 5: Phân tích *nhân vật Tràng* trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

Đề 6: Phân tích *diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ* trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

Đề 7: Phân tích nhân vật Tnú trong truyện ngắn “ Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành.

Đề 8: Phân tích hình tượng cây Xà nu trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành

Đề 9: Phân tích *nhân vật hai chị em Chiến và Việt* trong tác phẩm "Những đứa con trong gia đình" của Nguyễn Thi.

Đề 10: Phân tích *nhân vật người đàn bà hàng chài* truyện ngắn "Chiếc thuyền ngoài xa" của Nguyễn Minh Châu.

Đề 11: Phân tích *bi kịch của nhân vật hồn Trương Ba* qua trích đoạn kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt” của Lưu Quang Vũ.